TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **464**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2023
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Vẹn;

2. Ông Nguyễn Văn Bé;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trinh – Kiểm sát viên;

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2023/QĐXXST-HN ngày 21/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Hồng A**, sinh năm 1989 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thúc B**, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và nguyên đơn chị Lê Hồng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thúc B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 17/3/2009. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp do anh B không quan tâm đến gia đình, ăn chơi, cờ bạc nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo C, sinh ngày 25/4/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 23/02/2012. Hiện nay đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Nguyễn Thúc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chỉ cãi nhau nên không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo C, sinh ngày 25/4/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 23/02/2012. Nếu vợ chồng ly hôn đề nghị theo ý kiến các con, nếu các con sống với chị A thì anh có bao nhiêu anh cấp dưỡng bấy nhiêu.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có;

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do, không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận lý do chị A xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B cờ bạc không quan tâm đến gia đình nên đã ly thân từ năm 2022 đến nay, tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được nên đề nghị Tòa cho chị A ly hôn;

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo C, sinh ngày 25/4/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 23/02/2012 hiện nay đang sống với chị A, cho chị A tiếp tục nuôi theo nguyện vọng của hai cháu, anh B không cấp dưỡng do chị A không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Hồng A và anh Nguyễn Thúc B qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 17 tháng 3 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Hồng A và anh Nguyễn Thúc B đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A; Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân chị A xin ly hôn là do do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp do vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau mà nguyên nhân chủ yêu do anh B không quan tâm đến gia đình, cờ bạc nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, chị A khai đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay không oàn tụ lại được, đích hôn nhân hiện tại không đạt được, chị A kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống là có căn cứ. Phía anh B không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được các biện pháp hàn gắn, không thay đổi cách sống, điều đó cho thấy anh B chưa có ý chí thay đổi và quyết tâm để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A nên cần xem xét cho chị A ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo C, sinh ngày 25/4/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 23/02/2012. Hiện nay 02 cháu đang sống với chị A, khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung của chị A là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu C, cháu D và anh B cũng đồng ý theo nguyện vọng của hai con và không có ý kiến phản đối về yêu cầu của chị A tiếp tục nuôi hai con chung nên cần giữ ổn định cho cháu về nơi ở, về mặt tâm lý nên giao cho chị A tiếp tục nuôi 02 con chung. Chị A không có yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Chị A nuôi con chung, anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

[**8**] Về quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[9] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Hồng A đối với anh Nguyễn Thúc B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hồng A được ly hôn với anh Nguyễn Thúc B;

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo C, sinh ngày 25/4/2009 và Nguyễn Trung D, sinh ngày 23/02/2012 cho chị A được tiếp tục nuôi, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

1.3. Về tài sản chung: Không có;

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Lê Hồng A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0026066 ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Lil

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ